

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 820/2025/DS-ST
Ngày: 30 – 5 – 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Hoài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Phước.

2. Ông Nguyễn Cửu Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức: Ông Phạm Quốc Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 2764/2024/TLST-DS ngày 09/12/2024, về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3672/2025/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4285/2025/QĐST – DS ngày 12 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á1

Địa chỉ trụ sở: Số D N, Phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trương Minh Q năm: 1987;
Địa chỉ: Lầu H, Tòa nhà A, số D C, Phường A, Quận C, Thành phố H người đại diện ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 1927/UQ-QLN.24 ngày 21/10/2024 (có đề nghị vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thanh H năm: 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số A, Đường số C, Khu phố B (Khu phố E cũ), phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á2 quyền cho ông Trương Minh Q1 đại diện có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại đơn khởi kiện đề ngày 21/10/2024, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được có lời khai như sau:

Ngày 25/10/2021, bà Nguyễn Thanh H1 ký Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á1 (sau đây viết tắt là Ngân hàng), thư yêu cầu dành cho chủ thẻ Acủa bà Nguyễn Thanh H2 ngày 20/9/2022, các văn bản khác của bà Nguyễn Thanh H3 ký với Ngân hàng về việc sử dụng thẻ tín dụng.

Ngày 26/10/2021, Ngân hàng cấp tín dụng cho bà Nguyễn Thanh H4 tiết như sau: Số thẻ tín dụng 4365999000377683, hạn mức sử dụng thẻ: 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng; loại thẻ: Visa Signature; Lãi suất (trong hạn, quá hạn), phí: Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Á - là một phần không tách rời của Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân.

Trong quá trình sử dụng thẻ, bà H15 thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 1.968.451.297 đồng (bao gồm giao dịch rút tiền mặt là 2.000.000 đồng, giao dịch thanh toán bằng thẻ là 1.925.190.939 và chịu các khoản lãi, phí, phạt chậm trả phát sinh trong quá trình sử dụng thẻ là 41.260.358 đồng), bà H15 thanh toán cho Ngân hàng được số tiền là 1.738.677.354 đồng (số tiền bà H5 toán được hoạch toán vào lãi trong hạn).

Do bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng, căn cứ thỏa thuận giữa hai bên về việc chấm dứt sử dụng thẻ, thu hồi nợ trước hạn và chuyển nợ quá hạn. Ngày 20/6/2024, Ngân hàng đã chuyển khoản nợ thẻ tín dụng sang nợ quá hạn, đồng thời quyết định chấm dứt việc sử dụng thẻ và thu hồi toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán của bà Nguyễn Thanh H6 Ngày 16/7/2024, Ngân hàng ra Thông báo chuyển nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ đối với thẻ tín dụng nêu trên. Dư nợ chưa trả tính đến ngày 30/5/2025, bà Nguyễn Thanh H7 nợ Ngân hàng các khoản sau: Nợ gốc 229.773.930 đồng, lãi quá hạn 84.750.285 đồng. Tổng cộng là 314.524.215 (Ba trăm mười bốn triệu, năm trăm hai mươi bốn nghìn, hai trăm mười lăm) đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu: Buộc bà Nguyễn Thanh H8 ngay cho Ngân hàng tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 30/5/2025 là 314.524.215 (Ba trăm mười bốn triệu, năm trăm hai mươi bốn nghìn, hai trăm mười lăm) đồng, trong đó: vốn gốc 229.773.930 đồng, lãi quá hạn 84.750.285 đồng. Bà Nguyễn Thanh H7 phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 25/10/2021, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, kể từ ngày 31/5/2025 đến ngày trả dứt nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Thanh H9 mặt nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng khởi kiện vụ án dân sự “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” với bà Nguyễn Thanh H10 chỉ: Số A, Đường số C, Tổ A, Khu phố B, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đây là tranh chấp hợp đồng về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì bị đơn bà Nguyễn Thanh H1 địa chỉ nơi cư trú cuối cùng tại thành phố T vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào kết quả trả lời của Công an phường P, Thành phố H với Phiếu yêu cầu xác minh số 751/TATPTĐ ngày 16/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức như sau: Đương sự Nguyễn Thanh H ngày 03/7/1982, hộ khẩu thường trú: 142/14, Đường số C, Khu phố B, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Gia đình bán nhà đi đã lâu, chỗ ở hiện nay không rõ. Tòa án yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ nơi cư trú thực tế của bà H11 phía nguyên đơn không cung cấp được vì bà H12 đi nơi khác và không thông báo địa chỉ mới cho nguyên đơn biết. Đồng thời, tại Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 25/10/2021, bà H13 cấp địa chỉ nơi ở hiện tại số 142/14, Đường số C, Tổ A, Khu phố E (nay là Khu phố B), phường P, thành phố T, Thành phố H đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai văn bản tố tụng tại địa chỉ 1, Đường số C, Tổ A, Khu phố E (nay là Khu phố B), phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; Trụ sở Ủy ban nhân dân phường P và tại Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, cụ thể:

Lần 1: Vào ngày 17/02/2025, niêm yết Thông báo thụ lý vụ án số 2764/2024/TB-TLVA ngày 09/12/2024 và giấy triệu tập đương sự ngày 20/01/2025, triệu tập bà Nguyễn Thanh H14 Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 13/3/2025 để trình bày lời khai và cung cấp tài liệu chứng cứ.

Lần 2: Vào ngày 18/3/2025, niêm yết Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 1977/TB-TA ngày 14/3/2025 và giấy triệu tập đương sự ngày 14/3/2025, triệu tập bà Nguyễn Thanh H14 Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 08/4/2025 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Lần 3: Vào ngày 25/4/2025, niêm yết Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 08/4/2025, giấy triệu tập đương sự ngày 24/4/2025, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3672/2025/QĐXXST – DS ngày 24/4/2025, yêu cầu bà Nguyễn Thanh H1 mặt tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, số A, Đ, phường T, thành phố T, Thành phố H lúc 14 giờ 00 phút ngày 12/5/2025 để tham gia phiên tòa.

Lần 4: Vào ngày 14/5/2025, niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa số 4285/2025/QĐST-DS ngày 12/5/2025, giấy triệu tập đương sự ngày 12/5/2025 yêu cầu bà Nguyễn Thanh H1 mặt tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, số A, Đ, phường T, thành phố T, Thành phố H lúc 08 giờ 00 phút ngày 30/5/2025 để tham gia phiên tòa.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Đại diện nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thanh H9 mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Đối với yêu cầu buộc bà Nguyễn Thanh H8 ngay cho Ngân hàng tổng số tiền còn thiếu tính đến ngày 30/5/2025 là 314.524.215 (Ba trăm mười bốn triệu, năm trăm hai mươi bốn nghìn, hai trăm mười lăm) đồng, trong đó: vốn gốc 229.773.930 đồng, lãi quá hạn 84.750.285 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 25/10/2021, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A gửi Ngân hàng TMCP Á1, các văn bản khác của bà Nguyễn Thanh H3 ký với Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, hợp đồng được lập thành văn bản có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 91 và Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, nên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý ràng buộc trách nhiệm các bên phải thực hiện.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thanh H15 được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập đến Tòa để trình bày ý kiến, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa sơ thẩm. Tuy nhiên, bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do, không nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời không cung cấp các tài liệu chứng cứ liên quan đến giao dịch vay tiền giữa

hai bên, coi như bị đơn đã từ bỏ quyền được pháp luật quy định. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Căn cứ Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 25/10/2021, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A ký kết giữa Ngân hàng với bà H, Hội đồng xét xử có căn cứ để xác định Ngân hàng có cấp cho bà Nguyễn Thanh H3 thẻ tín dụng số 4365999000377683, trong quá trình sử dụng thẻ, bà H15 thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 1.968.451.297 đồng (bao gồm giao dịch rút tiền mặt là 2.000.000 đồng, giao dịch thanh toán bằng thẻ là 1.925.190.939 và chịu các khoản lãi, phí, phạt chậm trả phát sinh trong quá trình sử dụng thẻ là 41.260.358 đồng), bà H15 thanh toán cho Ngân hàng được số tiền là 1.738.677.354 đồng (số tiền bà H5 toán được hoạch toán vào lãi trong hạn). Như vậy, bà Nguyễn Thanh H3 có sử dụng thẻ và thực hiện các giao dịch đối với thẻ tín dụng trên.

Tại bảng kê tính lãi của Ngân hàng đối với bà Nguyễn Thanh H3 tính đến ngày 30/5/2025 thể hiện bà Nguyễn Thanh H3 còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 229.773.930 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng buộc bà Nguyễn Thanh H8 số tiền nợ gốc 229.773.930 (Hai trăm hai mươi chín triệu, bảy trăm bảy mươi ba nghìn, chín trăm ba mươi) đồng.

Đối với yêu cầu tiền lãi: Căn cứ Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Căn cứ vào khoản 5.2 Điều 5 và Điều 10 Bản các điều kiện và điều khoản sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng thì toàn bộ số tiền nợ cuối kỳ chuyển sang nợ quá hạn và các bên tự nguyện thỏa thuận về mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn theo lãi suất ngân hàng quy định phù hợp với quy định của pháp luật từng thời điểm. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà H8 số tiền lãi quá hạn tính đến hết ngày 30/5/2025 với số tiền 84.750.285 đồng là có cơ sở. Từ ngày 31/5/2025, tiền lãi sẽ tiếp tục phát sinh trên số tiền nợ quá hạn theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ và Bản điều khoản điều kiện sử dụng thẻ cho đến khi bà Nguyễn Thanh H8 hết nợ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên bà Nguyễn Thanh H3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

[4] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức là phù hợp quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 116, Điều 117, Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 91, Điều 95, Điều 96 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Q1

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á1

Buộc bà Nguyễn Thanh H1 trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á3 tiền tính đến hết ngày 30/5/2025 là 314.524.215 (Ba trăm mười bốn triệu, năm trăm hai mươi bốn nghìn, hai trăm mười lăm) đồng, trong đó: vốn gốc 229.773.930 đồng, lãi quá hạn 84.750.285 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 25/10/2021, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á1; Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á4 đến khi thi hành án xong.

Các bên thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thanh H16 chịu án phí sơ thẩm là 15.726.211 (Mười lăm triệu, bảy trăm hai mươi sáu nghìn, hai trăm mười một) đồng.

H1 lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á3 tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.397.222 (Sáu triệu, ba trăm chín mươi bảy nghìn, hai trăm hai mươi hai) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0067779 ngày 05/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được thông đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Hoài